

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST - DS ngày 31 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm 1952, địa chỉ: đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1970, địa chỉ: đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: đường T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác định ranh giới, mốc giới hai thửa đất các bên đương sự thống nhất thoả thuận:

- Lấy ranh giới theo hiện trạng đang sử dụng được thể hiện tại Bản vẽ tổng thể mặt bằng nhà X và Y đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng do Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và trắc địa công trình Q lập và gửi cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu ngày 08/10/2018 làm ranh giới hai thửa đất gồm: thửa

số 20 tờ bản đồ số 03, địa chỉ số X đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA647569 số vào sổ cấp GCN: CH00097 do UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã cấp ngày 13/5/2010 cho bà Lê Thị T và thửa số 21 tờ bản đồ số 3 địa chỉ số X đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Phương T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 907079, số vào sổ cấp GCN: CTs 02349 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/9/2012, chỉnh lý biến động sang tên tặng cho bà Trần Thị Phương T ngày 04/3/2020, theo hồ sơ số 100251.TA.001. (Ranh giới theo đường đen, có sơ đồ kèm theo).

- Bà Lê Thị T và bà Trần Thị Phương T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý biến động về ranh giới, kích thước và diện tích thửa đất theo ranh giới hiện trạng đang sử dụng được thể hiện tại Bản vẽ tổng thể mặt bằng nhà X và Y đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng do Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và trắc địa công trình Q lập và gửi cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu ngày 08/10/2018.

2.2. Yêu cầu đối với hủy quyết định cá biệt, phần không gian trên đất, bồi thường thiệt hại:

Bà Lê Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với đối với hủy quyết định cá biệt, phần buộc bà Hoàng Thị H , nay là bà Trần Thị Phương T tháo dỡ một phần công trình xây dựng gồm: Trụ bê tông, sàn, dầm, dầm, tường để trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà Lê Thị T; rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng của bà Hoàng Thị H , nay là bà Trần Thị Phương T và tất cả các yêu cầu khởi kiện khác. Bà Lê Thị T đề nghị Tòa án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện mà bà đã rút.

2.3. Về các chi phí tố tụng:

Các chi phí tố tụng bà Lê Thị T đã chi là 37.350.000đ, gồm:

- Chi phí định giá, chi phí xem xét thẩm định và đo đạc bản đồ đã chi ở lần xét xử thứ nhất 1 theo Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2011/DSST ngày 19/9/2011 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và Bản án dân sự phúc thẩm số 72/2012/DSPT ngày 06/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng là 7.990.000đ.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc bản đồ, chi phí định giá đã chi sau khi Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết lại vụ án là 29.360.000đ.

Bà Lê Thị T chịu 50% chi phí nêu trên với số tiền 18.675.000đ. Bà Trần Thị Phương T chịu 50% chi phí nêu trên với số tiền 18.675.000đ. Bà Trần Thị Phương T phải hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 18.675.000đ (*Mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), hạn cuối vào ngày 30/6/2020.

2.4. Về án phí:

- Bà Trần Thị Phương T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí: 150.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 2545 ngày 01/5/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; 200.000đ tại Biên lai số 3022 ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; 18.924.000đ theo Biên lai số 6113 ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Hiếu